

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 182/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoàng Dung
2. Ông La Thanh Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành B

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trần Ngọc T trình bày: Bà và Ông Nguyễn Thành B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 20/3/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng bà ghen tuông vô

có, khiến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Do đó, từ cuối năm 2018, ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với Ông Nguyễn Thành B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 26/6/2019, bị đơn Ông Nguyễn Thành B trình bày: thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về con chung, tài sản chung và nợ chung nhưng ông không thống nhất ly hôn với bà T vì ông còn thương vợ, muốn xin vợ tạo điều kiện cho ông một cơ hội để sửa đổi. Ông cam kết sẽ thay đổi, sống có trách nhiệm với gia đình.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Trần Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Nguyễn Thành B nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn Ông Nguyễn Thành B cư trú tại khu vực 4, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về xét xử vắng mặt:* Bị đơn Ông Nguyễn Thành B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Ngọc T và Ông Nguyễn Thành B đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2012. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn với ông B là do ông B ghen tuông vô cớ và có hành vi đánh bà nên vợ chồng thường xuyên mâu

thuần, bà T có tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không được. Vì vậy, bà T cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, ông B vẫn bỏ mặc, không sửa đổi và cũng không đến phiên tòa để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ tình cảm của ông B đối với bà T cũng không còn, ông B cũng không muốn hàn gắn lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T ly hôn với ông B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông bà trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc T được ly hôn với Ông Nguyễn Thành B.

2. Về con chung: không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn Bà Trần Ngọc T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0020328 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, bà T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND phường V, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Xuân Tình

